

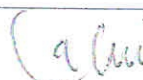
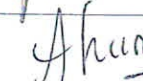
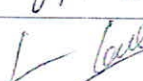
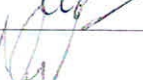
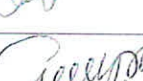
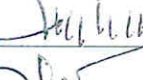
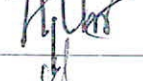
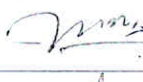
DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019, MỞ TẠI THỊ XÃ BUÔN HỒ

THI PHẦN III.1 : Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị.....; Thời gian làm bài: 135 phút

Ngày thi: ...09... tháng...09... năm 2019;

Phòng thi số:.....

SBD	Họ Và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
1	Đặng Thị Ngọc Anh	12/07/1974	01		9	8,25	Tám, hai năm
2	Phạm Tuấn Anh	31/03/1980	02		29	7,25	Sáu, hai năm
3	Nguyễn Thị Vân Anh	03/03/1981	02		38	7,5	Bảy năm
4	Hứa Thị Ban	22/03/1984	02		40	7,5	Tám năm
5	Tạ Công Lâm Quốc Bảo	13/04/1981	02		59	7,0	Sáu
6	Hà Duy Chung	23/8/86	01		74	6,25	Sáu, hai năm
7	Đoàn Văn Công	10/02/1982	02		71	7,25	Sáu, hai năm
8	Trần Đình Cường	30/06/1966	02		16	7,25	Sáu, hai năm
9	Lê Thị Cửu	18/06/1970	02		37	8,0	Tám
10	Nguyễn Thị Dung	10/05/1987	02		11	8,25	Tám, hai năm
11	Đinh Khắc Dũng	26/08/1979	02		73	7,5	Bảy năm
12	Hồ Tấn Duy	18/10/1980	02		72	7,25	Sáu, hai năm
13	Hồ Thị Duyên	16/10/1987	02		49	7,5	Sáu năm
14	Nguyễn Đình Diệp	13/01/1976	2		54	7,25	Sáu, hai năm
15	Hoàng Mạnh Đức	02/11/1980	02		42	7,25	Sáu, hai năm
16	Lê Thị Thanh Hải	25/08/1976	02		30	7,25	Sáu, hai năm
17	Lê Trọng Khánh Hòa	11/08/1983	02		12	7,5	Bảy năm
18	Nguyễn Đình Hoàng	25/06/1977	02		66	7,5	Sáu năm

SBD	Họ Và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
19	Đặng Thị Hồng	25/05/1983	02		56	7.0	Bảy
20	Nguyễn Văn Hồng	13/05/1979	02		24	7.0	Bảy
21	Trần Hùng	01/10/1964	03		33	8.0	Tám
22	Trần Anh Hùng	13/9/1983	03		46	7.5	Bảy, năm
23	Nguyễn Thị Hương	20/08/1987	02		28	7.5	Bảy, năm
24	Lý Ái Hương	10/03/1981	02		34	8.0	Tám
25	Hoàng Thị Hương	10/04/1974	02		44	7.5	Bảy, hai năm
26	Nguyễn Văn Hữu	06/11/1978	02		25	7.5	Bảy, hai năm
27	Nguyễn Văn Khang	24/01/1978	02		44	7.5	Bảy, hai năm
28	Trần Khoa	02/01/1983	02		25	7.5	Bảy, hai năm
29	Y Chuen Knul	16/09/1977	02		2	7.5	Bảy, hai năm
30	Y Săng Kriêng	23/04/1979	02		3	7.5	Bảy, hai năm
31	Nguyễn Quang Lộc	07/10/1970	02		8	7.0	Bảy
32	Nguyễn Thanh Long	26/06/0975	01		7	7.0	Bảy
33	Vương Văn Lương	18/08/1973	03		69	7.5	Bảy, năm
34	Lê Thị Luyên	04/02/1975	02		51	6.5	Sáu, năm
35	Nguyễn Thị Minh	02/10/1975	02		52	6.5	Sáu, năm
36	Nguyễn Quang Minh	01/02/1967	02		39	7.5	Bảy, năm
37	Y Manh Mlô	26/03/1985	02		57	7.0	Bảy
38	Y Soi Mlô	01/02/1981	02		55	7.5	Bảy, hai năm
39	Y Blem Mlô	02/6/1977	02		47	7.5	Bảy, hai năm
40	Y Moi Mlô	05/05/1979	02		48	7.0	Bảy
41	H' Lin Mlô	14/8/1975	02		64	7.0	Bảy
42	Phạm Nam	12/12/1966	02		70	7.5	Bảy, hai năm

SBD	Họ Và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
43	Nguyễn Thị Hoài Nga	03/04/1983	2		53	80	Tam
44	Nguyễn Tam Nga	04/04/1980	2		35	725	Bảy, hai năm
45	Hồ Thị Nghĩa	15/05/1984	02		67	725	Bảy, hai năm
46	Phùng Thị Nguyệt	21/01/1970	02		20	75	Bảy, năm
47	Đỗ Thị Hồng Nguyệt	02/01/1980	02		65	725	Bảy, hai năm
48	Y Mắc Niê	09/10/1976	02		61	75	Bảy, năm
49	Đặng Văn Phi	17/08/1978	02		13	725	Bảy, hai năm
50	Vũ Thị Ngọc Phương	05/07/1976	02		5	70	Bảy
51	Trịnh Đình Sáu	04/01/1975	02		47	75	Bảy, năm
52	Nguyễn Thị Sỹ	01/02/1983	02		58	725	Bảy, hai năm
53	Võ Thị Minh Tâm	18/11/2018 18/11/2018	03		63	725	Bảy, hai năm
54	Nguyễn Văn Thái	03/03/1980		Không đủ điều kiện dự thi (chưa học môn này)			
55	Võ Đức Thanh	07/05/1974	03		18	80	Tam
56	Trần Văn Thanh	20/05/1975	02		1	75	Bảy, năm
57	Nguyễn Thị Thanh	15/12/1985	02		77	725	Bảy, hai năm
58	Đỗ Minh Thành	22/9/1985 12/9	02		43	75	Bảy, năm
59	Cao Trí Thảo	20/10/1964	02		60	725	Bảy, hai năm
60	Nguyễn Thị Thêu	13/03/1977	02		41	725	Bảy, hai năm
61	Lê Văn Thọ	10/7/1973	02		68	75	Bảy, năm
62	Trịnh Đình Thời	10/11/1975	02		62	65	Sáu, năm
63	Võ Thị Thương	08/11/1988	02		4	75	Bảy, năm
64	Nguyễn Thị Diễm Thúy	13/07/1981	02		31	75	Bảy, năm
65	Ngô Hương Thủy	16/04/1983	02		50	725	Bảy, hai năm
66	Vương Thị Thu Thủy	23/08/1983	02		10	825	Tam, hai năm

SBD	Họ Và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
67	Trần Ngọc Hạnh Tiên	03/06/1978	02	VT	75	8,25	Tám hai năm
68	Bùi Thị Kim Tiến	15/06/1974	02	VT	21	7,0	Bảy
69	Trần Văn Toàn	10/7/1974	02	VT	32	7,25	Bảy hai năm
70	Nguyễn Văn Toàn	21/05/1979	02	VT	22	7,25	Bảy hai năm
71	Nguyễn Trọng Toàn	29/09/1982	02	VT	36	7,25	Bảy hai năm
72	Nguyễn Thị Thu Trang	11/08/1982	02	VT	26	8,0	Tám
73	Trần Chí Trục	09/06/1975	02	VT	27	7,5	Bảy năm
74	Nguyễn Ngọc Tú	06/08/1982	02	VT	19	7,0	Bảy
75	Hoàng Văn Tuấn	15/04/1983	02	VT	15	7,5	Bảy năm
76	Trương Đình Vân	16/09/1983	03	VT	76	7,75	Bảy bảy năm
77	Văn Tuấn Vũ	20/12/1984	2	VT	6	7,25	Bảy hai năm
78	Trịnh Thị Yên	25/11/1968	02	VT	23	7,5	Bảy năm

Tổng số 157 Tờ/ 77 bài

GIÁM THỊ 1

Nguyễn Thị Thanh

Ngày...09 tháng...10 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Sương

BAN GIÁM HIỆU



Ngô Sơn

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Ngô Hoài Thu

Ngô Hoài Thu

GIÁM THỊ 2

Ngày...09 tháng...10 năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG KHOA

Lê Duyên Hà